

Bản án số: 139/2024/DS-PT
Ngày 17 tháng 6 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài;

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 297/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2024/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh M, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số A, đường số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Bà Bùi Trần Phú T, luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A, có mặt;

Địa chỉ liên lạc: số G đường H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T2;

Trụ sở: số B hẻm Đ Bà L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang;

Đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T2: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: số B hẻm Đ Bà L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2024 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn N1, luật

sur Văn phòng luật sư Trần Văn N1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A, có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: số B hẻm Đ Bà L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Ông Trần Văn N1, luật sư Văn phòng luật sư Trần Văn N1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A, có mặt;

- Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: số B đường P, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Trần Minh H, sinh năm 1976; nơi cư trú: số A khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Phan Minh M, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số A, đường số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Minh M1 trình bày:

Từ ngày 04 tháng 01 năm 2019, ông N mời ông M1 vào làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (viết tắt là Công ty T2), cùng nhau hợp tác người bỏ sức, người bỏ công. Công ty bỏ tiền, ông M1 bỏ công quản lý tay nghề, công nhân. Ông N và bà Nương T1 cùng ông M1 thỏa thuận miệng là ông bà góp mặt bằng tại vị trí trụ sở Công ty ở B, còn ông M1 góp vốn xây dựng mặt bằng thành bãi đóng sà lan và đưa tiền vào để mua sắm máy móc, thiết bị đóng tàu, khi nào có lãi thì sẽ chia nhau, không nói mức chia cụ thể bao nhiêu. Hai bên không có lập văn bản cho việc thỏa thuận này.

Thời gian đầu Công ty gặp khó khăn về tài chính, nên giữa ông M1 và Công ty T2 có thỏa thuận: Ông M1 bỏ tiền ra cho Công ty M3 để mua máy móc đầu tư trước, rồi Công ty trả lại sau. Ông M1 đã nhiều lần ứng tiền của cá nhân cho Công ty vay không lãi hoặc bằng lãi suất của ngân hàng để xây dựng san lấp, cải tạo mặt bằng, mua sắm tài sản cho Công ty cụ thể gồm: Ông M1 dùng tài sản cá nhân thế chấp để vay Ngân hàng, ban đầu là 600.000.000 đồng và đến tháng 4 năm 2022 là 1.800.000.000 đồng, cho Công ty T2 vay lại với lãi suất bằng lãi suất ông M1 vay Ngân hàng. Số tiền này được chi cho các khoản sau:

- Chi 800.000.000 đồng để mua Hệ thống các máy móc thiết bị tại xưởng sà lan của Công ty TNHH P1 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 (Hợp đồng mua bán số 01-2020/HĐMB/PALX-TS ngày 20 tháng 3 năm 2020 ký giữa Công ty P1 với ông M1). Hệ thống máy móc này được vận chuyển toàn bộ từ Công ty P1 về lắp đặt tại Công ty T2, người vận chuyển là ông Trịnh Phú Q thực hiện, có sự tham gia và chứng kiến của ông Huỳnh Văn H1 (giám đốc Công ty P1), ông Nguyễn Văn N2 (nhân viên Công ty T2 vào năm 2020), ông Nguyễn Vinh N3 (nhân viên Công ty T2 vào năm 2020).

- Số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại ông M1 chi:

+ Ngày 31 tháng 12 năm 2021, ông M1 chi tổng cộng 723.900.000 đồng trả tiền thuê ông P và ông Trịnh Phú Q (con của ông P) chở đất đổ bãi sà lan và xưởng của Công ty T2.

+ Ngày 31 tháng 12 năm 2021, ông M1 chi 305.296.000 đồng trả tiền mua đá đổ bãi sà lan và xưởng của Công ty T2.

Quá trình làm việc, Công ty còn mượn của ông M1 17 món đồ gồm: 01 Máy cắt tole 6mm - 8mm (trọng lượng 18 tấn); 01 máy phun cát (loại 50HP, hiệu Hand Some, nặng 1,5 tấn); 01 máy bơm hơi nhỏ (bơm phun sơn); 01 máy cắt sắt bàn (loại đĩa 3 tác); 01 tủ lạnh trong văn phòng (loại 150 lít); 01 tủ lạnh trong nhà ông H ở (hiệu Samsung loại 280 lít); 01 máy nước nóng trong nhà vệ sinh ông H ở (máy nước nóng tắm); 01 máy vi tính kèm màn hình 32 inch trong văn phòng (loại Apple Imax màu trắng); 01 máy in kèm photocopy trong văn phòng (loại Canon màu đen); 01 ghế gỗ bọc nệm trong văn phòng (màu vàng); 01 khúc gỗ nu chạm khắc hình ốc sên; 02 tờ thép tấm 1,5m x 6,0m x 10 li; 35m thép ống tròn p 220 x 8 li; 02 cái hộp sà lan cầu 1,0m x 3,0m (loại hộp sà lan cầu mạ kẽm); 01 cano composit (màu trắng); 01 gàu cấp cát (nặng 7,0 tấn); 01 gàu cấp cát (nặng 5,0 tấn). Tổng giá trị tài sản là 562.438.000 đồng.

Từ ngày 03 tháng 5 năm 2022, Công ty cắt hợp đồng lao động với ông M1 và không cho ông M1 đến Công ty N5; Công ty thông báo ông M1 không còn trách nhiệm tại Công ty. Sau đó, giữa ông M1 và Công ty đã đối chiếu lại các khoản thu chi của Công ty, các tài sản của Công ty được mua sắm từ tiền của ông M1, các khoản nghĩa vụ tài chính của Công ty còn nợ ông M1... có sự tham gia của ông Nguyễn Duy M2, chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH K đại diện đơn vị kiểm toán do Công ty thuê. Sau khi đối chiếu xong thì tổng giá trị tài sản mà ông M1 góp vào Công ty từ ngày ông M1 vào làm quản lý là 4.908.620.779 đồng (3.983.012.025 đồng + 925.608.754 đồng), tương ứng với tiền Công ty vay ông M1 (1.800.000.000 đồng) và tiền ông M1 góp vốn vào (2.000.000.000 đồng + 925.608.754 đồng). Nhưng phía Công ty vẫn tiếp tục không trả nợ cho ông M1 và không nhận ông M1 vào làm việc lại. Số đồ đạc ông M1 cho Công ty M3 thì Công ty cũng không cho ông M1 lấy lại. ông Nguyễn Văn N (S) cho rằng các món đồ đó là của Công ty nhưng ông M1 có xác nhận của ông N2, ông N3 đây là tài sản của ông M1

Ông M1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T2 trả cho ông M1 số tiền vay 1.800.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 08 tháng 11 năm 2022 là 352.099.089 đồng (lãi suất 9,2%/năm).

- Buộc Công ty T2 trả cho ông M1 các món đồ theo “Danh sách các vật tư thiết bị còn trong xưởng Sáu Nghiệp” được nêu trên và Biên bản thẩm định ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án.

- Ông M1 tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại các tài sản là

máy cắt tole, thép tấm, cano, gàu cáp theo Biên bản thẩm định của Tòa án.

Các tài sản ông M1 đang đòi lại, được ông M1 xác định giá trị theo thời điểm ông M1 mua, hiện nay ông M1 không có hóa đơn chứng từ mua các tài sản này. Do không định giá được các tài sản này, nên yêu cầu Tòa án xác định giá trị các tài sản này theo giá trị ông M1 cung cấp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N cùng thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn N là bạn chiến đấu với cha vợ của ông M1, biết ông M1 là kỹ sư giỏi nên ông N (Phó Giám đốc Công ty T2) có đề nghị ông M1 cùng hợp tác với Công ty T2 người bỏ công người bỏ sức, khi nào có lợi nhuận thì chia với nhau. Công ty T2 không vay tiền của M1 hay kêu M1 bỏ tiền ra mua máy móc, thiết bị cho Công ty để Công ty hoạt động. Máy móc, thiết bị của Công ty là do có sẵn từ trước khi ông M1 về làm, và phát sinh từ lợi nhuận của Công ty. 17 món tài sản mà ông M1 yêu cầu trả đều là tài sản của Công ty không phải của cá nhân của ông M1.

Quá trình giao ông M1 quản lý Công ty, ông M1 đã nhiều lần bán tài sản của Công ty rồi mua lại cái khác. Việc bán tài sản thu được bao nhiêu rồi tiền đâu ra để mua máy mới là ông M1 tự quyết không có báo với Công ty và ông N. Khi M1 về làm là Công ty giao hết quyền quản lý mọi việc cho ông M1, từ việc mua sắm, đầu tư, thu tiền đến đâu, tái đầu tư như thế nào.

Đối với các tài sản theo Biên bản thẩm định của Tòa án thì đều đã được ông N và ông M1 thống nhất đó là tài sản của Công ty. Còn đối với ghế gỗ bọc nệm, khúc gỗ nu chạm khắc, 02 tủ lạnh là tài sản của cá nhân ông M1 thì đồng ý trả ông M1.

Khi xảy ra tranh chấp, ông N có mời Công ty kiểm toán về kiểm kê các tài sản đang có trong Công ty và ông N cùng ông M1 ký xác nhận vào chứ không phải là chứng minh đó là tài sản của ông M1. Việc ông N ký vào danh mục tiền lãi là cũng để xác nhận ông M1 có kê khai khoản tiền này chứ đây không phải là tiền Công ty còn nợ ông M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H trình bày: Do quen biết, nên ông Nguyễn Văn N (Sáu Nghiệp) kêu ông M1 về làm chung ở Công ty T2, không phải làm công, cũng không phải hùn vốn. Tài sản của Công ty T2 có sẵn, ông M1 về làm, ông Sáu N4 và bà Nương T1 giao hết xưởng cho ông M1 quản lý trông coi, làm có lợi nhuận thì chia nhau, làm không thể có lỗi nên không có thỏa thuận lỗi phải làm sao, chỉ thấy mua sắm thêm, mua đổi loại máy. Nguồn tiền mua sắm máy móc, thiết bị, nhà xưởng, ông H không biết là của ai, ông chỉ biết là nếu có sửa chữa phương tiện thì lấy tiền của Công ty. Ông Sáu N4 đưa 200.000.000 đồng tiền mặt cho ông M1 (ông H nhìn thấy tại xưởng) để mua hết xưởng của ông H1 đem về gồm: 02 chiếc Kobe, 05 phao đẩy tàu, máy hàn dây hàn, tole lợp, xà nhà xưởng tiền chế, cái tời đẩy tàu. Sau đó, tiền bạc như thế nào thì ông H không biết. Ông M1 đứng ra kêu đá rải đường rải bãi, san lấp mặt bằng do

Phú Q thực hiện. P và Q đều nói với ông H là tiền công tiền san lấp cần trừ ngang tiền Công ty T2 đóng, sửa 04 chiếc sà lan cho ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Đ trình bày: Ông Đ xác định 01 máy cắt tole 6mm - 8mm, hiệu HUNG TAI TS601; 01 gàu cap cát nặng 07 tấn, 01 gàu cap cát nặng 05 tấn đều là tài sản của ông Đ, ông Đ đã giao cho ông M1 toàn quyền quyết định, sử dụng để ông M1 mang đến xưởng Công ty T2 làm việc. Ông M1 được toàn quyền quyết định. Ông Đ không có tranh chấp. Những máy móc này ông Đ đang m lại từ máy cũ nên không có hóa đơn chứng từ, không nhớ chủng loại, sản xuất năm nào.

Tại Bản án sơ thẩm số 297/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu trả lại số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh gồm: Tiền lãi yêu cầu trả theo bảng lãi kiểm toán ngày 03 tháng 6 năm 2022 là 269.551.089 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi một nghìn không trăm tám mươi chín đồng) (được chốt vào hết ngày 04 tháng 5 năm 2022); tiền lãi phát sinh từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 9,2%/năm, mỗi tháng là 16.031.000 đồng, tạm tính đến tháng 12 năm 2023 là 19 tháng x 16.031.000 đồng = 304.589.000 đồng (ba trăm linh bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu trả lại các tài sản sau: 01 (một) tủ lạnh hiệu LG loại 150 lít; 01 (một) tủ lạnh hiệu Panasonic 280 lít; 01 (một) máy nước nóng hiệu Panasonic; 01 (một) ghế gỗ bọc nệm văn phòng màu vàng; 01 (một) khúc gỗ nu chạm khắc hình ốc sên; 02 tờ thép tấm 1,5m x 6,0m x 10li; 01 (một) cano composit (màu trắng); thép ống tròn p220 x 8li (còn lại khoảng 6m - 7m); 02 (hai) hộp sần cầu 01m x 03m.

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về việc trả lại tài sản;

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Phan Minh M các tài sản sau:

- 01 (một) máy bơm hơi nhỏ;
- 01 (một) máy cắt sắt bàn loại đĩa 3 tác (tình trạng hư, không sử dụng);
- 01 gàu cap cát nặng 07 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);
- 01 gàu cap cát nặng 05 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);

Hiện trạng tài sản được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc trả lại các tài sản;

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Minh M các tài sản gồm:

- 01 (một) máy cắt tole 6mm - 8mm, hiệu HUNG TAI TS601;
- 01 (một) máy phun cát (loại 50HP) hiệu Hand Some;
- 01 (một) máy vi tính kèm màn hình 32inch, nhãn hiệu Apple Imax màu trắng;
- 01 (một) máy in kèm photocopy trong văn phòng loại Canon màu đen

Hiện trạng tài sản được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M phải chịu án phí sơ thẩm là: 79.482.802 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm linh hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.145.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001208 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông M còn phải nộp tiếp 36.337.802 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh hai đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/01/2024, nguyên đơn ông Phan Minh M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty T2 trả cho ông M tiền vay 1.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 297/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Buộc Công ty T2 trả cho ông M tiền vay 1.800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phan Minh M kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ và ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay: Ông Phan Minh M khởi kiện yêu cầu Công ty T2 trả lại số tiền vay 1.800.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo bảng lãi kiểm toán ngày 03 tháng 6 năm 2022 là 269.551.089 đồng (được chốt vào hết ngày 04 tháng 5 năm 2022); tiền lãi phát sinh từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 9,2%/năm, mỗi tháng là 16.031.000 đồng, tạm tính đến tháng 12 năm 2023 là 19 tháng x 16.031.000 đồng = 304.589.000 đồng.

Theo các tài liệu chứng cứ do ông M cung cấp thể hiện ông M có vay tiền Ngân hàng TMCP Á chi nhánh A vào ngày 08/9/2020, số tiền 1.800.000.000 đồng. Lần vay gần nhất vào ngày 01/3/2023, số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ông M trình bày đã mua vật tư thiết bị máy móc tại xưởng sà lan P2 để đưa vào công ty Sáu Nghiệp theo Hợp đồng mua bán ngày 30/3/2020 giữa M với công ty TNHH P1 (do ông Huỳnh Văn H1 đại diện). Ngoài ra ông M cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông N với ông Nguyễn Duy M2 (Giám đốc công ty K) trong đó ông N có đề cập đến việc ông M vay tiền đưa vào công ty T2. Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn N2 xác định ông M vay tiền 1.800.000.000 đồng để mua vật tư thiết bị máy móc của ông H1 (công ty P3). Theo lời ông M nói, ông N kêu M vay tiền.

Tuy nhiên, theo Khế ước nhận nợ do ông M cung cấp thể hiện ông M vay của Ngân hàng TMCP Á chi nhánh A vào ngày 08/9/2020, số tiền 1.800.000.000 đồng. Khoản vay này phát sinh sau ngày thỏa thuận mua nhà xưởng của Công ty P1 (ngày 30/3/2020) và khoản tiền ông M khai đã chi trả chi phí mua đất, đá, thuê vận chuyển san lấp bãi sà lan, xưởng Công ty T2 (Biên nhận số tiền 336.660.000 đồng ngày 28/01/2020). Do đó, lời khai của ông M về việc vay tiền của Ngân hàng Á để

cho Công ty T2 vay để mua nhà xưởng của Công ty P1 và trả chi phí san lấp mặt bằng bãi sà lan và xưởng Công ty T2 là không có cơ sở.

Về phía bị đơn Công ty T2 (do ông N đại diện theo ủy quyền tại cấp sơ thẩm) không thừa nhận có thỏa thuận vay tiền của ông M mà lúc đầu Công ty có đề nghị ông M cùng hợp tác với Công ty T2 người bỏ công người bỏ sức, khi nào có lợi nhuận thì chia với nhau.

Như vậy, theo trình bày của các bên thì giữa ông M với công ty T2 có thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh dịch vụ sửa chữa, đóng tàu như lời trình bày của ông N.

Việc ông M cho rằng có thỏa thuận cho Công ty T2 vay tiền để đầu tư thiết bị máy móc, vật tư và đầu tư san lấp bãi sà lan, xưởng của công ty T2 nhưng phía ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận xác lập hợp đồng vay như ông M trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc đòi Công ty T2 trả vốn vay 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông N đại diện Công ty T2 ký tên bảng kê tiền lãi vay ngân hàng của ông M lập ngày 03 tháng 6 năm 2022 và tại đoạn ghi âm thể hiện ông N thừa nhận số tiền 1.800.000.000 đồng do M vay. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ trên không thể hiện việc Công ty T2 thỏa thuận vay tiền của ông M. Bởi vì việc thỏa thuận, xác lập hợp đồng vay phải phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với thỏa thuận hùn vốn hợp tác kinh doanh dịch vụ sửa chữa, đóng tàu, do trong vụ án này, ông M không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Tòa cấp sơ thẩm nhận định nếu ông M có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là phù hợp.

Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện đòi tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận và buộc Công ty T2 trả lại cho ông M:

- + 01 (một) máy bơm hơi nhỏ;
- + 01 (một) máy cắt sắt bàn loại đĩa 3 tác (tình trạng hư, không sử dụng);
- + 01 gàu cát nặng 07 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);
- + 01 gàu cát nặng 05 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);
- + 01 (một) máy cắt tole 6mm - 8mm, hiệu HUNG TAI TS601;
- + 01 (một) máy phun cát (loại 50HP) hiệu Hand Some;

+ 01 (một) máy vi tính kèm màn hình 32inch, nhãn hiệu Apple Imax màu trắng;

+ 01 (một) máy in kèm photocopy trong văn phòng loại Canon màu đen

Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đòi tài sản do ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

* Về chi phí tố tụng: phía nguyên đơn đã tạm ứng nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về chi phí tố tụng là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M đồng ý tự chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí tố tụng nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông M phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Minh M;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 297/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu trả lại số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh gồm: Tiền lãi yêu cầu trả theo bảng lãi kiểm toán ngày 03 tháng 6 năm 2022 là 269.551.089 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi một nghìn không trăm tám mươi chín đồng) (được chốt vào hết ngày 04 tháng 5 năm 2022); tiền lãi phát sinh từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 9,2%/năm, mỗi tháng là 16.031.000 đồng, tạm tính đến tháng 12 năm 2023 là 19 tháng x 16.031.000 đồng = 304.589.000 đồng (ba trăm linh bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu trả lại các tài sản sau: 01 (một) tủ lạnh hiệu LG loại 150 lít; 01 (một) tủ lạnh hiệu Panasonic 280 lít; 01 (một) máy nước nóng hiệu Panasonic; 01 (một) ghế gỗ bọc nệm văn phòng màu vàng; 01 (một) khúc gỗ nu chạm khắc hình ốc sên; 02 tờ thép tấm 1,5m x 6,0m x

10li; 01 (một) cano composit (màu trắng); thép ống tròn $\phi 220 \times 8$ li (còn lại khoảng 6m - 7m); 02 (hai) hộp sần cầu 01m x 03m.

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về việc trả lại tài sản;

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Phan Minh M các tài sản sau:

- 01 (một) máy bơm hơi nhỏ;
- 01 (một) máy cắt sắt bàn loại đĩa 3 tầng (tình trạng hư, không sử dụng);
- 01 gàu cấp cát nặng 07 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);
- 01 gàu cấp cát nặng 05 tấn (tình trạng sử dụng: hư hỏng);

Hiện trạng tài sản được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc trả lại các tài sản;

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Minh M các tài sản gồm:

- 01 (một) máy cắt tole 6mm - 8mm, hiệu HUNG TAI TS601;
- 01 (một) máy phun cát (loại 50HP) hiệu Hand Some;
- 01 (một) máy vi tính kèm màn hình 32inch, nhãn hiệu Apple Imax màu trắng;
- 01 (một) máy in kèm photocopy trong văn phòng loại Canon màu đen

Hiện trạng tài sản được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M phải chịu án phí sơ thẩm là: 79.482.802 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm linh hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.145.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001208 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông M còn phải nộp tiếp 36.337.802 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh hai đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh M phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0001453 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm